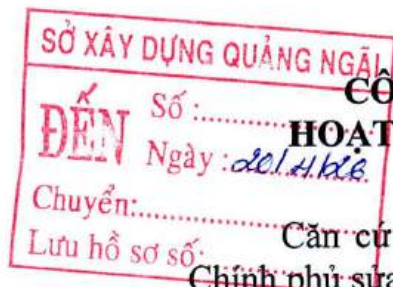


Quảng Ngãi, ngày 08 tháng 4 năm 2026



**CÔNG BỐ CÔNG KHAI THÔNG TIN VỀ NĂNG LỰC
HOẠT ĐỘNG THÍ NGHIỆM CHUYÊN NGÀNH XÂY DỰNG**

Căn cứ Nghị định số 14/2026/NĐ-CP ngày 13 tháng 01 năm 2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định để cắt giảm, đơn giản hoá thủ tục hành chính liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh thuộc phạm vi quản lý của Bộ Xây dựng.

Công ty TNHH Tư vấn và Xây dựng V-Tech 79 công bố công khai thông tin về năng lực hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng như sau:

I. THÔNG TIN VỀ TỔ CHỨC HOẠT ĐỘNG THÍ NGHIỆM CHUYÊN NGÀNH XÂY DỰNG

1. Tên tổ chức hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng: Công ty TNHH Tư vấn và Xây dựng V-Tech 79;

2. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 6101261873 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Kon Tum cấp lần đầu ngày 09/08/2019, đăng ký thay đổi lần thứ 1 ngày 11/01/2022;

3. Địa chỉ trụ sở chính: 79 Ngô Quyền - Phường Kon Tum - Tỉnh Quảng Ngãi;

4. Địa chỉ hòm thư điện tử: thinghiem505@gmail.com;

5. Website: v-tech79.com;

6. Số điện thoại: 0903 574 908 - 0983 122 779;

7. Tên phòng thí nghiệm: Trung tâm thí nghiệm S55;

8. Địa chỉ đặt phòng thí nghiệm: Số nhà 79 Ngô Quyền - Phường Kon Tum - Tỉnh Quảng Ngãi;

II. THÔNG TIN VỀ NĂNG LỰC CỦA TỔ CHỨC HOẠT ĐỘNG THÍ NGHIỆM CHUYÊN NGÀNH XÂY DỰNG

1. Danh mục các chỉ tiêu thí nghiệm

Stt	Tên chỉ tiêu thí nghiệm	Tiêu chuẩn kỹ thuật
THỬ NGHIỆM CƠ LÝ XI MĂNG		
1	Xác định độ mịn, khối lượng riêng của bột xi măng	TCVN 4030:2003
2	Xác định giới hạn uôn và nén	TCVN 6016:2011 (ISO 679:2009)
3	Xác định độ dẻo tiêu chuẩn, thời gian đông kết và độ ổn	TCVN 6017:2015 TCVN 8875:2012

	định thể tích	
4	Xác định hàm lượng bọt khí trong vữa xi măng	TCVN 8876:2012
THỬ NGHIỆM CỐT LIỆU BÊ TÔNG VÀ VỮA		
5	Xác định thành phần cỡ hạt	TCVN 7572-2:2006
6	Xác định thành phần thạch học	TCVN 7572-3:2006
7	Xác định khối lượng riêng, khối lượng thể tích và độ hút nước	TCVN 7572-4:2006
8	Xác định khối lượng riêng, khối lượng thể tích và độ hút nước của đá gốc và hạt cốt liệu lớn	TCVN 7572-5:2006
9	Xác định khối lượng thể tích và độ xốp và độ hồng	TCVN 7572-6:2006
10	Xác định độ ẩm	TCVN 7572-7:2006
11	Xác định hàm lượng bùn, bụi, sét trong cốt liệu và hàm lượng sét cục trong cốt liệu nhỏ	TCVN 7572-8:2006
12	Xác định tạp chất hữu cơ	TCVN 7572-9:2006
13	Xác định cường độ và hệ số hóa mềm của đá gốc	TCVN 7572-10:2006
14	Xác định độ nén đập và hệ số hóa mềm của cốt liệu lớn	TCVN 7572-11:2006
15	Xác định độ hao mài mòn khi va đập của cốt liệu lớn (Los Angeles)	TCVN 7572-12:2006
16	Xác định hàm lượng hạt thoi dẹt trong cốt liệu lớn	TCVN 7572-13:2006
17	Xác định khả năng phản ứng kiềm -silic	TCVN 7572-14:2006
18	Xác định hàm lượng ion Cl-	TCVN 7572-15:2006
19	Xác định hàm lượng hạt yếu mềm, phong hóa	TCVN 7572-17:2006
20	Xác định hàm lượng hạt bị đập vỡ	TCVN 7572-18:2006
21	Xác định hàm lượng mica	TCVN 7572-20:2006
22	Xác định hàm lượng hạt cát nghiền nhỏ hơn 0,075mm	TCVN 9205:2012
THỬ NGHIỆM CƠ LÝ HỖN HỢP BÊ TÔNG VÀ BÊ TÔNG NẶNG		
23	Xác định độ sụt của hỗn hợp bê tông	TCVN 3106:2022
24	Xác định độ cứng Vebe	TCVN 3107:2022
25	Xác định khối lượng thể tích hỗn hợp bê tông nặng	TCVN 3108:2022
26	Xác định độ tách nước, tách vữa của hỗn hợp bê tông	TCVN 3109:2022
27	Xác định hàm lượng bọt khí của bê tông	TCVN 3111:2022
28	Xác định khối lượng riêng	TCVN 3112:2022
29	Xác định độ hút nước	TCVN 3113:2022

30	Xác định khối lượng thể tích	TCVN 3115:2022
31	Xác định độ chống thấm nước	TCVN 3116:2022
32	Xác định độ co	TCVN 3117:2022
33	Xác định giới hạn bền khi nén	TCVN 3118:2022
34	Xác định giới hạn bền khi uốn	TCVN 3119:2022
35	Xác định cường độ kéo khi bừa	TCVN 3120:2022
36	Xác định cường độ lắng trụ và mô đun đàn hồi khi nén tĩnh	TCVN 5726:2022
37	Xác định thời gian đông kết của bê tông	TCVN 9338:2012
38	Xác định lực liên kết giữa bê tông và cốt thép	22TCN 60:1984
39	Xác định độ pH của bê tông và vữa	TCVN 9339:2012
40	Xác định kích thước hạt cốt liệu lớn nhất	CRD-C 164:1992
THỬ NGHIỆM CƠ LÝ VỮA XI MĂNG		
41	Xác định kích thước hạt cốt liệu lớn nhất	TCVN 3121-1:2022
42	Xác định độ lưu động của vữa tươi	TCVN 3121-3:2022
43	Xác định khối lượng thể tích của vữa tươi	TCVN 3121-6:2022
44	Xác định khối lượng thể tích mẫu vữa đông rắn	TCVN 3121-10:2022
45	Xác định cường độ nén và uốn của vữa	TCVN 3121-11:2022
46	Xác định độ hút nước của vữa đã đông rắn	TCVN 3121-18:2022
THỬ NGHIỆM CƠ LÝ VỮA CHO BÊ TÔNG NHẸ		
47	Xác định: kích thước hạt cốt liệu lớn nhất, độ lưu động của vữa tươi, khả năng giữ độ lưu động của vữa tươi	TCVN 9028:2011
48	Xác định: thời gian bắt đầu đông kết của vữa tươi, thời gian điều chỉnh hàm lượng ion Clo trong vữa	TCVN 9028:2011
49	Xác định cường độ nén trung bình của vữa đông rắn	TCVN 9028:2011
50	Xác định: hệ số hút nước do mao dẫn của vữa trát sử dụng bề mặt ngoài khối xây, độ bám dính	TCVN 9028:2011
THỬ NGHIỆM CƠ LÝ GẠCH ĐÁT SÉT NUNG		
51	Xác định kích thước hình học và khuyết tật ngoại quan	TCVN 6355-1:2009
52	Xác định cường độ nén	TCVN 6355-2:2009
53	Xác định cường độ uốn	TCVN 6355-3:2009
54	Xác định độ hút nước	TCVN 6355-4:2009
55	Xác định khối lượng thể tích	TCVN 6355-5:2009

128
CƠ
ÁCH NH
U VẤN
V-T
TÍNH

56	Xác định độ rỗng	TCVN 6355-6:2009
THỬ NGHIỆM CƠ LÝ GẠCH B.TÔNG NHẹ (Gạch bê tông bọt, khí không chưng áp)		
57	Kiểm tra kích thước hình học và khuyết tật ngoại quan	TCVN 9030:2017
58	Xác định: cường độ nén, khối lượng thể tích khô	TCVN9030:2017
THỬ NGHIỆM CƠ LÝ GẠCH BÊ TÔNG KHÍ CHƯNG ÁP (AAC)		
59	Kiểm tra kích thước	TCVN7959:2017
60	Xác định khối lượng thể tích khô, cường độ nén	TCVN7959:2017
THỬ NGHIỆM CƠ LÝ GẠCH BÊ TÔNG		
61	Kiểm tra kích thước hình học và khuyết tật ngoại quan, độ thấm nước	TCVN 6477:2016
62	Xác định cường độ nén, độ mài mòn, độ rỗng, độ hút nước	TCVN 6477:2016
THỬ NGHIỆM GẠCH BÊ TÔNG TỰ CHÈN		
63	Kiểm tra kích thước hình học và khuyết tật ngoại quan	TCVN 6476:1999
64	Xác định cường độ nén	TCVN 6476:1999
65	Xác định độ hút nước	TCVN 6476:1999
THỬ NGHIỆM BÊ TÔNG NHỰA		
66	Xác định độ ổn định, độ dẻo Marshall	TCVN 8860-1:2011
67	Xác định hàm lượng nhựa bằng phương pháp chiết sử dụng máy quay li tâm	TCVN 8860-2:2011
68	Xác định thành phần hạt	TCVN 8860-3:2011
69	Xác định tỷ trọng lớn nhất, khối lượng riêng của bê tông nhựa ở trạng thái rời	TCVN 8860-4:2011
70	Xác định tỷ trọng khối, khối lượng thể tích của bê tông nhựa đã đầm nén	TCVN 8860-5:2011
71	Xác định độ chảy nhựa	TCVN 8860-6:2011
72	Phương pháp xác định độ góc cạnh của cát	TCVN 8860-7:2011
73	Xác định hệ số độ chặt lu lèn	TCVN 8860-8:2011
74	Xác định độ rỗng dư	TCVN 8860-9:2011
75	Xác định độ rỗng cốt liệu	TCVN 8860-10:2011
76	Xác định độ rỗng lấp đầy nhựa	TCVN 8860-11:2011
77	Xác định độ ổn định còn lại của bê tông nhựa	TCVN 8860-12:2011
THỬ NGHIỆM NHỰA BITUM		
78	Xác định độ kim lún	TCVN 7495:2005

79	Xác định độ kéo dài	TCVN 7496:2005
80	Xác định độ hóa mềm (Phương pháp vòng và bi)	TCVN 7497:2005
81	Xác định điểm chớp cháy và điểm cháy bằng thiết bị thử cốc hở Cleveland	TCVN 7498:2005
82	Xác định tổn thất khối lượng sau gia nhiệt	TCVN 7499:2005
83	Xác định lượng hòa tan trong Trichloroethylene	TCVN 7500:2005
84	Xác định khối lượng riêng (Phương pháp Pycnometer)	TCVN 7501:2005
85	Xác định độ bám dính đối với đá	TCVN 7504:2005
THỬ CƠ LÝ BỘT KHOÁNG TRONG BÊ TÔNG NHỰA		
86	Xác định: thành phần hạt, hàm lượng mất khi nung	22 TCN 58:1984
87	Xác định:hàm lượng nước, hệ số hấp nước, khối lượng riêng bột khoáng chất, khối lượng thể tích và độ rỗng dư của bột khoáng	22 TCN 58:1984
88	Xác định khối lượng riêng bột khoáng chất và nhựa đường	22 TCN 58:1984
89	Xác định độ trương nở của hỗn hợp bột khoáng và nhựa	22 TCN 58:1984
90	Xác định chỉ số hàm lượng nhựa bột khoáng	22 TCN 58:1984
THỬ NGHIỆM CƠ LÝ DUNG DỊCH BENTONITE		
91	Xác định: khối lượng riêng, hàm lượng cát, độ pH, lực cắt tĩnh	TCVN 9395:2012
92	Xác định độ nhớt biểu kiến, lực cắt tĩnh, tỷ lệ chất keo, mất nước, độ dày áo sét, độ ổn định	TCVN 9395:2012
THỬ NGHIỆM HỖN HỢP XI MĂNG - ĐÁT		
93	Xác định độ chặt phương pháp khô và ướt	ASTM D559
94	Xác định độ bền theo thời gian	ASTM D560
95	Xác định cường độ kháng nén của mẫu dạng trụ	ASTM D1633
96	Xác định cường độ kháng nén của mẫu dạng thanh	ASTM D1634
97	Xác định cường độ kháng uốn của mẫu dạng thanh	ASTM D1635
THỬ NGHIỆM PHỤ GIA HÓA HỌC CHO BÊ TÔNG		
98	Xác định: thời gian đông kết của bê tông, hàm lượng tro	TCVN 8826:2011
99	Xác định: hàm lượng chất khô, hàm lượng ion Clo (Cl-)	TCVN 8826:2011
100	Xác định tỷ trọng của phụ gia hóa học dạng lỏng	TCVN 8826:2011
101	Xác định hàm lượng mất khi nung	TCVN 141:2008
THỬ NGHIỆM PHỤ GIA KHOÁNG CHO BÊ TÔNG ĐÀM LẤN		

102	Xác định hàm lượng SO_3	TCVN 7131:2002
103	Xác định lượng nước yêu cầu, hàm lượng kiềm có hại, độ ẩm	TCVN 8825:2011
104	Chỉ số hoạt tính cường độ	TCVN 6882:2016
105	Hàm lượng tạp chất bụi và sét	TCVN 6882:2016
106	Xác định hàm lượng mất khi nung	TCVN 7131:2002
THỬ NGHIỆM VẬT LIỆU KIM LOẠI VÀ LIÊN KẾT HÀN		
107	Thử kéo	TCVN 197-1:2014
108	Thử uốn	TCVN 198:2008
109	Kiểm tra chất lượng mối hàn - Thử uốn	TCVN 5401:2010
110	Thử phá hủy mối hàn vật liệu kim loại - Thử kéo ngang	TCVN 8310-2010
111	Thử phá hủy mối hàn vật liệu kim loại - Thử kéo dọc	TCVN 8311-2010
THỬ NGHIỆM CƠ LÝ ĐẤT TRONG PHÒNG		
112	Xác định khối lượng riêng (tỷ trọng)	TCVN 4195:2012
113	Xác định độ ẩm và độ hút ẩm	TCVN 4196:2012
114	Xác định giới hạn dẻo, giới hạn chảy	TCVN 4197:2012
115	Xác định thành phần cỡ hạt	TCVN 4198:2014
116	Xác định sức chống cắt trên máy cắt phẳng	TCVN 4199:1995
117	Xác định tính nén lún trong điều kiện không nở hông	TCVN 4200:2012
118	Xác định độ chặt tiêu chuẩn tiêu chuẩn trong phòng	TCVN 4201:2012
119	Xác định khối lượng thể tích (dung trọng)	TCVN 4202:2012
120	Xác định đầm nén đất, đá dăm trong phòng thí nghiệm	22 TCN 333:2006
121	Xác định sức chịu tải của đất, đá dăm (CBR)	22 TCN 332:2006
122	Xác định hệ số thấm K	ASTM D2434
123	Xác định đặc trưng trương nở của đất	TCVN 8719:2012
124	Xác định góc nghi tự nhiên của đất rời	TCVN 8724:2012
125	Xác định hàm lượng chất hữu cơ của đất	TCVN 8726:2012
126	Xác định hàm lượng mất khi nung	TCVN 141:2008
THỬ NGHIỆM HIỆN TRƯỜNG		
127	Đo dung trọng, độ ẩm bằng phương pháp dao đai	22 TCN 02:1971
128	Xác định độ ẩm, khối lượng thể tích của đất trong lớp kết cấu bằng phương pháp rót cát	22 TCN 346:2006

129	Xác định độ phẳng của mặt đường bằng thước 3m	TCVN 8864:2011
130	Xác định mô đun đàn hồi “E: nền đường bằng tấm ép cứng	TCVN 8861:2011
131	Xác định sức chịu tải CBR hiện trường	ASTM D4429
132	Xác định mô đun đàn hồi “E” chung của áo đường bằng cần Benkelman	TCVN 8867:2011
133	Kiểm tra độ nhám mặt đường bằng phương pháp rắc cát	TCVN 8866:2011
134	Thí nghiệm kéo neo an ke	ASTM D 4435:98
135	Thử cột điện bê tông cốt thép ly tâm	TCVN 5847:1994
136	Thử ống cống bê tông cốt thép thoát nước	TCVN 9113:2012
137	Đo điện trở tiếp đất	TCVN 9385:2012
138	Phương pháp không phá hoại sử dụng kết hợp máy đo siêu âm và súng bật nảy để xác định cường độ nén của bê tông	TCVN 9335:2012
139	Xác định độ ẩm, dung trọng bê tông đầm lăn (RRC)	TCVN 9350:2012 22 TCN 346:2006 ASTM C1040 ASTM D 3017
140	Xác định độ thấm nước của đất bằng cách đổ nước thí nghiệm trong hố đào và trong hố khoan	TCVN 8730:2012
141	Xác định chiều dày lớp bê tông bảo vệ, vị trí đường kính cốt thép trong bê tông bằng phương pháp điện từ	TCVN 9356:2012
142	Thí nghiệm xuyên động (DCP)	TCVN 9351:2012
THỬ NGHIỆM NƯỚC CHO XÂY DỰNG		
143	Xác định: hàm lượng muối hòa tan, hàm lượng cặn không tan	TCVN 4560:1988
144	Xác định hàm lượng Cl-	TCVN 6194:1996
145	Xác định độ pH	TCVN 6492:2011
146	Xác định hàm lượng SO42-	TCVN 6200:1996

2. Danh mục máy móc, thiết bị, dụng cụ

Stt	Tên máy móc, thiết bị, dụng cụ	Nước sản xuất
A	TÀI SẢN CỐ ĐỊNH	
1	Máy kéo uốn vụn năng 100 tấn Model WE - 1000B	Trung Quốc
2	Máy nén bê tông 200T - Model WAY - 2000	Trung Quốc
3	Máy xác định độ chống thấm BT - Model HS.40	Trung Quốc
4	Máy khoan lấy mẫu hiện trường	Trung Quốc
5	Máy khoan lấy mẫu hiện trường Model HZ - 15B	Trung Quốc
6	Máy siêu âm bê tông	Italy

B	CÔNG CỤ DỤNG CỤ	
1	Bàn rung tạo mẫu, model: ZT 1X1	Trung Quốc
2	Bàn xoa	Việt Nam
3	Bay	Việt Nam
4	Bếp (điện, bếp ga mini)	Việt Nam
5	Bình hút ẩm có vòi - D300mm	Trung Quốc
6	Bình khối lượng riêng xi măng	Việt Nam
7	Bình tia rửa mẫu 500ml, bình xịt nước	Việt Nam
8	Bộ chày cối Proctor cải biên	Việt Nam
9	Bộ chày cối Proctor tiêu chuẩn	Việt Nam
10	Bộ chia mẫu - loại 1	Việt Nam
11	Bộ chia mẫu - loại 2	Việt Nam
12	Bộ côn chày hấp thụ nước	Việt Nam
13	Bộ côn thử độ sụt bê tông N1	Việt Nam
14	Bộ côn thử độ sụt bê tông N2	Việt Nam
15	Bộ dụng cụ dao đai	Việt Nam
16	Bộ dụng cụ thử nén đập trong xi lanh D150mm	Việt Nam
17	Bộ dụng cụ thử nén đập trong xi lanh D75mm	Việt Nam
18	Bộ gá tháo mẫu (khuôn ĐCTC) + kích 4 tấn	Việt Nam
19	Bộ gá thử nén xi măng	Trung Quốc
20	Bộ gá thử uốn bê tông	Trung Quốc
21	Bộ gá thử uốn xi măng	Trung Quốc
22	Bộ thí nghiệm giới hạn dẻo của đất - (gồm chén, chày, dao, 2 muỗng, thùng đựng)	Việt Nam
23	Bơm hút chân không 2XZ	Trung Quốc
24	Búa (đỉnh 12 OZ, 0,5kg, búa 2,5kg)	Việt Nam
25	Búa cao su	Việt Nam
26	Cân cơ hãng SX 2610g(Cân A đăm)	Anh
27	Cân cơ Nhơn Hoà (100kg)	Việt Nam
28	Cân điện tử 15Kg - Model: HZ-15B	Mỹ
29	Cân điện tử 30Kg - Model: BC 30	Mỹ
30	Cân thủy tĩnh điện tử	Mỹ
31	Chày cao su	Việt Nam
32	Chén inox (sấy ẩm)	Trung Quốc
33	Chén sứ nung mẫu 50ml	Trung Quốc
34	Cuốc chim	Việt Nam
35	Dao cắt	Việt Nam
36	Dao vòng D100, D150	Việt Nam
37	Đáy Sàng D200	Trung Quốc
38	Đáy Sàng D300	Trung Quốc
39	Đục sắt	Việt Nam
40	Dụng cụ bơm mỡ	Việt Nam
41	Dụng cụ đầm tạo mẫu Marshall bằng tay	Việt Nam
42	Dụng cụ kiểm tra khuôn Le Chaterlier	Trung Quốc
43	Dụng cụ thử hàm lượng bọt khí BT	Trung Quốc
44	Dụng cụ Vicat	Trung Quốc
45	Dụng cụ xác định độ ẩm nhanh của cốt liệu	Trung Quốc
46	Dụng cụ xác định KLTT xốp của cát	Việt Nam
47	Dụng cụ xác định KLTT xốp của đá	Việt Nam
48	Dụng cụ xác định nhiệt hoá mềm nhựa đường	Trung Quốc

49	Hộp nhôm sấy ẩm	Việt Nam
50	Hộp thử thấm đất TST 25A	Trung Quốc
51	Khâu côn: D80 x d 70xh 40mm	Trung Quốc
52	Khay chứa mẫu (nhỏ)	Việt Nam
53	Khay chứa mẫu 500x500mm	Việt Nam
54	Khuôn CBR	Trung Quốc
55	Khuôn đúc mẫu: 100 x 100 x 100mm kép 3 (Thép)	Việt Nam
56	Khuôn đúc mẫu: 150 x 150 x 150mm đơn (Gang)	Trung Quốc
57	Khuôn đúc mẫu: 150 x 150 x 150mm kép 3 (Thép)	Việt Nam
58	Khuôn đúc mẫu: 150 x 150 x 600mm (Thép)	Trung Quốc
59	Khuôn đúc mẫu: 150 x 300mm (Gang)	Trung Quốc
60	Khuôn đúc mẫu: 200 x 200 x 200 kép 2 (Thép)	Việt Nam
61	Khuôn đúc mẫu: 200 x 200 x 200mm đơn	Việt Nam
62	Khuôn đúc mẫu: 40 x 40 x 160mm - kép 3 (Thép)	Trung Quốc
63	Khuôn đúc mẫu: 70.7 x 70.7 x 70.7mm kép 3 (Thép)	Trung Quốc
64	Khuôn đúc mẫu: Marshall (Thép)	Trung Quốc
65	Khuôn đúc mẫu: Thử thấm (Gang)	Trung Quốc
66	Khuôn la Chartelier	Trung Quốc
67	Kích thủy lực 4 tấn	Trung Quốc
68	Lò nung 1200 độ C	Trung Quốc
69	Máy bơm keo (gồm cần bơm, dây bơm)	Trung Quốc
70	Máy cắt đất ứng biến 2 tốc độ Model JZ(EDJ - 1)	Trung Quốc
71	Máy cắt sắt	Trung Quốc
73	Máy dẫn vữa xi măng - Model: ZS15	Trung Quốc
74	Máy ép CBR Model CBR - 2, lực nén 50KN	Trung Quốc
75	Máy ép Marshall Model LDW - 1	Trung Quốc
76	Máy khoan Bosch	Trung Quốc
77	Máy khoan Gran (Cầm tay)	Trung Quốc
78	Máy khoan lấy mẫu hiện trường Model HZ - 15	Trung Quốc
79	Máy kiểm tra độ kim lún nhựa đường	Trung Quốc
80	Máy kiểm tra độ mài mòn Model- MHI	Trung Quốc
82	Máy lắc sàng điện động - Model: ZBSX - 92	Trung Quốc
83	Máy ly tâm nhựa đường - Model: LF- II	Trung Quốc
84	Máy mài Matec (Cầm tay)	Việt Nam
85	Máy nén tam liên Model WG (gồm quả 5,1kg gồm 6 cái; 2,55kg 15 quả; 1,275 kg 5 quả; 0,637kg 03 quả; 0,319kg 3 quả)	Trung Quốc
86	Máy trộn vữa bê tông	Trung Quốc
87	Máy trộn vữa xi măng - Model JJ - 5	Trung Quốc
88	Máy xác định độ chống thấm BT - Model HS.40	Trung Quốc
89	Máy xác định độ kéo dài ở 25 độ - Model: LY - 1,5	Trung Quốc
90	Máy xác định thời gian đông kết của vữa	Trung Quốc
91	Nắp chụp dao dai	Việt Nam
92	Nắp Sàng D200	Trung Quốc
93	Nắp Sàng D300	Trung Quốc
94	Nhiệt kế 400 độ C	Trung Quốc
95	Nhiệt kế điện tử	Trung Quốc
96	Nhiệt kế kim loại 250 độ C	Trung Quốc
97	Nhiệt kế thủy tinh 100 độ C	Trung Quốc
98	Ống đong thủy tinh 1000ml	Việt Nam



99	Ống đong thủy tinh 100ml	Việt Nam
100	Ống đong thủy tinh 250ml	Việt Nam
101	Ống đong thủy tinh 50ml	Việt Nam
102	Phễu rót cát (Đo K)	Việt Nam
103	Phễu thủy tinh	Việt Nam
104	PIPET thủy tinh 10ml	Việt Nam
105	PIPET thủy tinh 5ml	Việt Nam
106	Sàng D200 cỡ sàng: 0,08; 0,09; 0,14; 0,1; 0,25; 0,315; 0,5; 0,63; 1,25; 10; 2,5; 5mm	Trung Quốc
107	Sàng D300 cỡ sàng: 0,01; 0,075; 0,08; 0,09; 0,14; 0,15; 0,16; 0,1; 0,25; 0,315; 0,3; 0,425; 0,5; 0,63; 1,18; 0,125; 1,5; 1,75; 100; 10; 12,5; 15; 16; 19; 1; 2,36; 2,5; 20; 25; 2; 30; 37,5; 4,75; 40; 4; 50; 5; 60; 63; 70; 75; 8; 9,5; 2,63mm	Trung Quốc
108	Súng bắn bê tông	Italy
109	Thau Inox 30; 32; 34 cm	Việt Nam
110	Thau nhôm	Việt Nam
111	Thiết bị Casagrande với bộ đếm số lần rơi	Trung Quốc
112	Thiết bị đo điện trở tiếp đất model:4105A	Nhật
113	Thiết bị kiểm tra độ cứng VEBE, model: VBR-1	Trung Quốc
114	Thiết bị kiểm tra nhiệt độ bắt cháy nhựa đường, model SY 3536	Trung Quốc
115	Thiết bị xác định độ lưu động của vữa	Trung Quốc
116	Thùng đong thể tích 1 lít	Việt Nam
117	Thùng đong thể tích 10 lít	Việt Nam
118	Thùng đong thể tích 15lít	Việt Nam
119	Thùng đong thể tích 2 lít	Việt Nam
120	Thùng đong thể tích 20 lít	Việt Nam
121	Thùng đong thể tích 5lít	Việt Nam
122	Thùng lược mẫu	Việt Nam
123	Thùng rửa cốt liệu mịn (cát)	Việt Nam
124	Thùng rửa cốt liệu thô (đá, sỏi)	Việt Nam
125	Thước 3 mét	Trung Quốc
126	Thước kẹp cơ khí 0-200mm	Nhật
127	Thước lá 30cm	Việt Nam
128	Thước lá 60cm	Việt Nam
129	Thước xác định độ thoái dẹt của đá	Việt Nam
130	Tủ dưỡng mẫu có tạo ẩm - Model: HBY - 40B	Trung Quốc
131	Tủ dưỡng mẫu Masshall: HHW-2	Trung Quốc
132	Tủ sấy 300 độ C	Trung Quốc
133	Tủ sấy thốn thất - Model LBH - 1	Trung Quốc
134	Tỷ trọng kế thang A.ELE-UK	Trung Quốc
135	Xe rửa	Việt Nam
136	Xẻng	Việt Nam
137	Xô nhựa	Việt Nam

3. Danh sách thí nghiệm viên

Stt	Họ và tên	Trình độ chuyên môn	Văn bằng, chứng chỉ
			- 231/KT2 ngày 20/8/2002 Trung tâm KTTCDLCL 2 xác

01	Đỗ Phú Trần Vũ	Cử nhân hóa	định chất lượng của đất - 579.3/2004/VKH-TNXD ngày 2/12/2004 Viện KHCNXD xác định cơ lý đất trong phòng và hiện trường - 376/KT2 ngày 15/3/2006 Trung tâm KT2 thử nghiệm cơ lý VLXD&BT nhựa - 614/KT2 ngày 5/9/2006 Trung tâm KT 2 quang phổ hấp thụ nguyên tử - 931/2011/TTĐT-TNV ngày 29/8/2008 Viện KHCNXD, quản lý PTN
02	Mai Trung Nam	Kỹ sư Xây dựng	- 374/KT2 ngày 24/03/2008 Trung tâm KTTCDLCL2- Thử nghiệm hỗn hợp bê tông- VLXD-Thép - 2160/2007/VKH-TNXD ngày 12/07/2007 Viện KHCNXD - Kiểm tra chất lượng bê tông bằng PP không phá hủy - 0706-2012 ngày 22/12/12 Học viện CBQLXD và đô thị - Kỹ năng QLPTN - 3050/2008/VKH-TNXD ngày 04/04/2008 Viện KHCNXD- Xác định cơ lý đất trong phòng và hiện trường
03	Nguyễn Văn Mạnh	Trung cấp	- QĐ 08-147/2010/TNV ngày 10/8/2010 Viện nghiên cứu đào tạo và bồi dưỡng cán bộ Hà Nội, thí nghiệm viên công trình xây dựng. - 8910/2011/VKH-THXD ngày 5/5/2011 Viện KHCN , công nghệ bê tông tiên tiến. - 119/2012/CC-CQM ngày 22/6/2012 Trung tâm CNQL chất lượng CTXD Việt Nam, Kiểm định chất lượng công trình. - 240/2012/CNBDNV-CQM ngày 22/6/2012 Trung tâm CNQL chất lượng CTXD Việt Nam, Chứng nhận đủ điều kiện đảm bảo an toàn chịu lực, chứng nhận sự phù hợp về chất lượng công trình xây dựng.
04	Vũ Văn Khánh	Trung cấp	08-141/2010/TNV ngày 10/8/2010 Viện nghiên cứu đào tạo và bồi dưỡng CB Hà Nội, TNV công trình xây dựng
05	Đỗ Tường Thảo	Trung cấp	- 02/QĐ/01.2013/STIC/TNXD ngày 10/07/2013 Trung tâm KHCN&TVĐT trường đại học bách khoa Đà Nẵng, TN đất XD - 04/QĐ/01.2013/STIC/TNXD ngày 22/07/2013 Trung tâm KHCN&TVĐT
06	Lê Văn Thọ	Cao đẳng	- 1375/KT2 ngày 24/3/2008 Trung tâm TCĐLCL2, Thử nghiệm BT-VLXD-thép - 3047/2008/VKH-TNXD ngày 4/4/2008 Viện KHCN xây dựng, Cơ lý đất trong phòng và hiện trường
07	Lương Ngọc	Kỹ sư XDCĐ	5664/2009/VKH-TNXD ngày 8/9/2009 Viện KHCN xây dựng, PPXD tính chất BT&VLXD

	Thăng		
08	Vũ Hữu Dự	Kỹ sư XDCĐ	- 13/VKHCN-TNV ngày 26/2/2009 Viện KHCN giao thông vận tải, TNV chuyên ngành XD giao thông - 8362/2011/TTĐT-TNV ngày 15/3/2011 Viện KHCN XD, quản lý PTN
09	Lê Bá Quỳnh	TC Địa chất công trình	- 377/KT2 ngày 15/3/2006 Trung tâm TCĐLCL2, Thử nghiệm BT-VLXD-và bê tông nhựa đường - 5574/2009/VKH-CN XD ngày 6/8/2009 Viện KHCN xây dựng, Cơ lý đất trong phòng và hiện trường
10	Trần Hữu Thành	Trung cấp	2024/GT3-090/VKHCN ngày 02/10/2024 Viện khoa học công nghệ về đầu tư và xây dựng
11	Hoàng Văn Tú	Kỹ sư quy hoạch và thiết kế công trình giao thông	201703077/VKHCN ngày 14/12/2017 Viện KHCN về đầu tư và xây dựng tổng hội xây dựng Việt Nam.
12	Võ Văn Thiện	Kỹ sư xây dựng cầu đường	17674-A17676B/VNĐ-TNV ngày 11/11/2020 Viện nghiên cứu và ứng dụng VLXD nhiệt đới
13	Đỗ Phú Thịnh	LĐPT	0085/TNVL2025-DHXDHN ngày 26/06/2025- Đại học xây dựng Hà Nội - Thí nghiệm vật liệu công trình giao thông

Công ty TNHH Tư vấn và Xây dựng V-Tech 79 chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính đầy đủ, chính xác của thông tin đã công bố nêu trên./.

Nơi nhận:

- Sở Xây dựng tỉnh Quảng Ngãi;
- Lưu Công ty.



GIÁM ĐỐC

Đỗ Phú Trần Vũ